

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 775/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 02/01/2026 ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 104/GP-UBND ngày 05/7/2019; số 105/GP-UBND ngày 05/7/2019; số 106/GP-UBND ngày 05/7/2019;

Căn cứ Quyết định số 3838/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị trả lại các Giấy phép khai thác nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 723/TTr-SNNMT ngày 14/5/2026 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 02/4/2026 của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- Theo các Giấy phép tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 12/3/2009, Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 và Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_1 = 600 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 672 \text{ ngày} = 403.200 \text{ m}^3.$$

+ Sản lượng dùng cho làm mát máy, thiết bị:

$$W_2 = 2.200 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 672 \text{ ngày} = 1.478.400 \text{ m}^3.$$

- Theo Giấy phép số 104/GP-UBND ngày 05/7/2019, Giấy phép số 105/GP-UBND ngày 05/7/2019, Giấy phép số 106/GP-UBND ngày 05/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Sản lượng dùng cho sinh hoạt, ăn uống:

$$W_3 = 500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 2.297 \text{ ngày} \times 365/365 = 1.148.500 \text{ m}^3.$$

+ Sản lượng dùng cho làm mát máy, thiết bị:

$$W_4 = 2.300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm} \times 2.297 \text{ ngày} \times 365/365 = 5.283.100 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác từ ngày 05/7/2019 đến hết ngày 19/10/2025 (theo hiệu lực của các Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 104/GP-UBND ngày 05/7/2019, số 105/GP-UBND ngày 05/7/2019, số 106/GP-UBND ngày 05/7/2019) là: 2.297 ngày; chế độ khai thác trong năm là 365/365.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 như sau:

“8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

- Số tiền phải nộp theo các Giấy phép tại Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 12/3/2009, Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 và Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh:

$$T_1 = (W_1 \times G_1 \times K \times M_1) + (W_2 \times G_2 \times K \times M_2) = (403.200 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (1.478.000 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 613.401.600 \text{ đồng}.$$

- Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 104/GP-UBND ngày 05/7/2019, Giấy phép số 105/GP-UBND ngày 05/7/2019, Giấy phép số 106/GP-UBND ngày 05/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

$$T_2 = (W_3 \times G_1 \times K \times M_1) + (W_4 \times G_2 \times K \times M_2) = (1.148.500 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (5.283.100 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 1.762.258.400 \text{ đồng}.$$

- Tổng số tiền đơn vị phải nộp là: $T = T_1 + T_2 = 2.375.660.000 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 1 như sau:

“9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2020 (năm 2017 + năm 2018 + năm 2019 + năm 2020): 1.031.525.600 đồng;
- Số tiền phải nộp các năm tiếp theo (2021 - 2024): 280.028.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 19/10/2025): 224.022.400 đồng.”.

4. Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 11 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2; Điều 3.

b) Thay thế cụm từ “Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa” bằng cụm từ “Thuế tỉnh Thanh Hóa” tại khoản 10, khoản 11 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2; Điều 3.

c) Thay thế cụm từ “UBND phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn” bằng cụm từ “UBND phường Bỉm Sơn” tại khoản 4 Điều 2; Điều 3.

5. Bãi bỏ một số cụm từ sau đây:

a) Bãi bỏ cụm từ “UBND thị xã Bỉm Sơn” tại khoản 4 Điều 2.

b) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn” tại Điều 3.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và quy định của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) đối với Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

2. Thuế tỉnh Thanh Hóa ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

3. Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Thuế tỉnh Thanh Hóa; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai

thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Thuế tỉnh Thanh Hóa để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND phường Bim Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, KTTC_{VN47822}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng